Mẫu số 01-A

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 13 /2026/CV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần May Thanh Trì thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần May Thanh Trì

- Mã chứng khoán: TTG
- Địa chỉ: Lô 1 – CN 3 cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0349582229 Fax:
- Email: thuyttg89@gmail.com Website: hapro.com.vn

3. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2025

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☑ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kề toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán .....):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

M.S.D.N: 0102737... CÔNG CỔ PH MAY THANH ... H.THANH TRÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Xã Ngọc Hồi, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102737811
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.31 12:51:02+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.2

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☑ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: /03/2026 tại đường dẫn: hapro.com.vn

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025 đã được kiểm toán

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Người UQCBTT

Đào Thị Thuý

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đặng Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên
Ông Lý Nam Ninh	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Tú	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Lý Nam Ninh	Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY THANH TRÌ

Lý Nam Ninh
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
T (84-24) 6278 2904 E anviet@anvietcpa.com W anvietcpa.com

*Số: **112** /2026/BCKT-AVI-TC1*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Thanh Trì

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần May Thanh Trì gọi tắt là "Công ty") và công ty con được lập ngày 30/03/2026 trình bày từ trang số 04 đến trang số 26 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Thanh Trì và công ty con tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Ngô Việt Thanh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2023-055-1

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2909-2025-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**31.305.528.300**	**15.607.400.410**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**22.820.350.687**	**9.953.063.988**
1.	Tiền	111		820.350.687	5.453.063.988
2.	Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	4.500.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**2.056.500.000**	**1.392.000.000**
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	11	2.408.106.746	1.450.082.075
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	11	(351.606.746)	(58.082.075)
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**5.846.621.377**	**2.789.500.231**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.018.242.327	2.077.200.427
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.380.000	49.500.000
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		242.024.400	242.024.400
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.417.870.911	1.333.671.665
5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(912.896.261)	(912.896.261)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**8**	**496.282.783**	**825.094.468**
1.	Hàng tồn kho	141		565.501.818	912.115.614
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(69.219.035)	(87.021.146)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**85.773.453**	**647.741.723**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	73.835.560	639.343.637
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		226.327	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	11.711.566	8.398.086
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**5.534.252.719**	**9.533.000.310**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**250.000.000**	**250.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	7	250.000.000	250.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**173.913.989**	**288.368.982**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	173.913.989	288.368.982
	- Nguyên giá	*222*		*18.816.655.094*	*23.520.404.154*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(18.642.741.105)*	*(23.232.035.172)*
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**4.855.182.732**	**8.851.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	4.855.182.732	8.851.000.000
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**255.155.998**	**143.631.328**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	9	255.155.998	143.631.328
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**36.839.781.019**	**25.140.400.720**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.194.930.891**	**2.905.537.264**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**3.963.969.410**	**2.905.537.264**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	39.621.584	80.198.036
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.096.877	107.890.333
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	411.249.776	465.484.064
4.	Phải trả người lao động	314		835.544.600	1.170.182.500
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	154.602.593	90.272.947
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	43.806.012	-
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	17	906.516.549	898.240.049
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.407.262.084	-
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		93.269.335	93.269.335
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**230.961.481**	**-**
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	18	230.961.481	-
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**32.644.850.128**	**22.234.863.456**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**20**	**32.644.850.128**	**22.234.863.456**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.000.000.000	34.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*34.000.000.000*	*34.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(195.359.120)	(195.359.120)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.766.597.342	1.766.597.342
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.935.868.979)	(13.336.374.766)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(13.336.374.766)*	*(15.496.538.644)*
	- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*8.400.505.787*	*2.160.163.878*
5.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.009.480.885	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**36.839.781.019**	**25.140.400.720**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Trưởng phòng kế toán	Tổng giám đốc
Đào Thị Thủy	Đào Thị Thủy	Lý Nam Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	minh	Năm 2025	Năm 2024
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**22**	**28.370.951.535**	**37.072.540.228**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**28.370.951.535**	**37.072.540.228**
4.	Giá vốn hàng bán	11	23	22.091.052.048	29.976.673.676
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**6.279.899.487**	**7.095.866.552**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.686.635.218	306.312.489
7.	Chi phí tài chính	22	25	922.799.390	257.725.515
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*200.527.321*	*51.359.906*
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.182.732	-
9.	Chi phí bán hàng	25	26	143.183.995	463.087.622
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	2.907.586.071	3.925.611.470
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**7.997.147.981**	**2.755.754.434**
12.	Thu nhập khác	31	27	447.360.632	45.682.155
13.	Chi phí khác	32	28	10.819.729	641.272.711
14.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**436.540.903**	**(595.590.556)**
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**8.433.688.884**	**2.160.163.878**
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		23.702.212	-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**8.409.986.672**	**2.160.163.878**
19.	*Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ*	*61*		*8.400.505.787*	*2.160.163.878*
20.	*Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát*	*62*		*9.480.885*	-
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**29**	**2.474**	**859**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Trưởng phòng Kế toán	Tổng giám đốc
Đào Thị Thủy	Đào Thị Thủy	Lý Nam Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	**01**	**8.433.688.884**	**2.160.163.878**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản**			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	114.454.993	425.787.193
	- Các khoản dự phòng	03	275.722.560	(190.982.649)
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(25.424.097)	(3.617.913)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.725.594.601)	(52.890.941)
	- Chi phí lãi vay	06	200.527.321	51.359.906
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước**	**08**	**4.273.375.060**	**2.389.819.474**
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.210.428.793)	2.461.987.335
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	346.613.796	607.149.420
	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(208.878.185)	(2.358.846.610)
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	453.983.407	(524.327.775)
	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(958.024.671)	(1.450.082.075)
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(133.219.805)	(51.359.906)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**563.420.809**	**1.074.339.863**
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(280.000.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	712.900.000	-
3.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.521.000.000)
4.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.000.000.000	670.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	183.030.116	2.416.968
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**8.895.930.116**	**(5.128.583.032)**
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.000.000.000	14.370.600.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	28.921.605.644	5.204.261.389
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.514.343.560)	(6.474.405.689)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**3.407.262.084**	**13.100.455.700**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**12.866.613.009**	**9.046.212.531**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**9.953.063.988**	**905.872.047**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	673.690	979.410
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**22.820.350.687**	**9.953.063.988**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Trưởng phòng Kế toán	Tổng giám đốc
Đào Thị Thủy	Đào Thị Thủy	Lý Nam Ninh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần May Thanh Trì (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Xí nghiệp May xuất khẩu Thanh Trì trực thuộc Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội theo Quyết định số 1397/QĐ - UBND ngày 18/04/2008 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103024083 ngày 24 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 10/12/2024. Tên giao dịch quốc tế của Công ty là THANH TRI GARMENT JOINT STOCK COMPANY. Vốn điều lệ của Công ty là 34.000.000.000 đồng, tương ứng 3.400.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM với mã chứng khoán là TTG.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô 1 - CN3, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, Xã Ngọc Hồi, thành phố Hà Nội.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 110 người (31/12/2024 là 147 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán các mặt hàng dệt, may mặc, thêu, ren; hoàn thiện sản phẩm dệt; bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Cơ cấu của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm Công ty mẹ - Công ty Cổ phần May Thanh Trì và 01 công ty con, 01 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Trì	Nghệ An	90%	90%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG	Hà Nội	49%	49%	Sản xuất hàng may mặc

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con, cũng như ảnh hưởng tới số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau. Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Phản ánh giá trị các cổ phiếu Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Cổ tức được chia cho giai đoạn sau ngày chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, riêng cổ tức nhận được bằng cổ phiếu do công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và giá trị khoản đầu tư vào công ty cổ phần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường của chúng được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư.
Khi phần sở hữu của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó. Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Công ty chỉ ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc phải thu ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại Thuyết minh số 4.4.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành .

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 07

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm Chi phí thuê địa điểm tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi được phân bổ theo thời gian trả trước tiền thuê, chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ trong thời gian 24 tháng và một số khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo theo quy định kế toán hiện hành.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Lãi tiền vay, trích trước chi phí tiền điện, cước vận chuyển,... Trong đó chi phí lãi vay được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế từng năm theo từng khế ước vay.

4.1. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

4.2. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

4.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận;
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu

nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	29.966.015	253.514.496
Tiền gửi ngân hàng	790.384.672	5.199.549.492
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	4.500.000.000
Cộng	**22.820.350.687**	**9.953.063.988**

(*) Số dư khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 - 03 tháng với lãi suất 4,6% - 4,75%/năm tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên liên quan	**303.686.280**	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	303.686.280	-
Phải thu các khách hàng khác	**2.714.556.047**	**2.077.200.427**
Chi nhánh Công ty TNHH Quốc Anh Pleat	1.269.685.800	-
Công ty Cổ phần May KLW Việt Nam	355.412.731	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt may QT	311.677.632	-
Công ty Cổ phần Công nghệ ATLAS	-	606.825.762
Công ty TNHH YIC Vina	-	495.752.983
Hãng BRIGHTEN	236.122.033	236.122.033
Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa	240.000.000	240.000.000
Magnum HK Co., Ltd	158.308.513	158.308.513
Các khách hàng khác	143.349.338	340.191.136
Cộng	**3.018.242.327**	**2.077.200.427**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**3.417.870.911**	-	**1.333.671.665**	-
Tạm ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty mẹ - Công ty Cổ phần May Thanh Trì	1.046.320.357	-	1.009.070.357	-
Tạm ứng tại công ty con (*)	1.950.000.000	-		-
Ký cược, ký quỹ	-	-	3.300.000	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	150.723.219	-	50.473.973	-
Tiền chi giải quyết chế độ bảo hiểm cho người lao động Công ty đã tạm chi trả thay cho cơ quan bảo hiểm	270.827.335	-	270.827.335	-
Dài hạn	**250.000.000**	-	**250.000.000**	-
Ký cược, ký quỹ	250.000.000	-	250.000.000	-
Cộng	**3.667.870.911**	-	**1.583.671.665**	-

(*) Số dư tạm ứng phát sinh tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Trì tại ngày 31/12/2025 nhằm phục vụ các công việc liên quan để xin cấp phép đầu tư cụm Công nghiệp Quỳnh Hoa tại xã Quỳnh Sơn, tỉnh Nghệ An. Hiện tại, UBND xã Quỳnh Sơn đã có văn bản trình UBND tỉnh Nghệ An và Sở Công thương tỉnh Nghệ An về việc điều chỉnh Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Quỳnh Hoa, xã Quỳnh Sơn, tỉnh Nghệ An, trong đó, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật được đề xuất là Công ty Cổ phần Đầu tư Thanh Trì.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.400.000	-	16.546.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	335.601.224	-	583.666.449	-
Thành phẩm	225.500.594	(69.219.035)	255.254.618	(87.021.146)
Hàng gửi bán	-	-	56.648.047	-
Cộng	**565.501.818**	**(69.219.035)**	**912.115.614**	**(87.021.146)**

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**73.835.560**	**639.343.637**
Chi phí thuê địa điểm tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi	70.254.546	638.113.637
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.581.014	1.230.000
Dài hạn	**255.155.998**	**143.631.328**
Chi phí sửa chữa tài sản	170.729.505	43.459.494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	84.426.493	100.171.834
Cộng	**328.991.558**	**782.974.965**

10. NỢ XẤU

	31/12/2025				01/01/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	Năm	VND	VND	VND	Năm	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng		**670.871.861**	**-**	**(670.871.861)**		**670.871.861**	**-**	**(670.871.861)**
Magnum HK Ltd	Trên 3 năm	158.308.513	-	(158.308.513)	Trên 3 năm	158.308.513	-	(158.308.513)
Hãng Brighten	Trên 3 năm	236.122.033	-	(236.122.033)	Trên 3 năm	236.122.033	-	(236.122.033)
Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa	Trên 3 năm	240.000.000	-	(240.000.000)	Trên 3 năm	240.000.000	-	(240.000.000)
Công ty TNHH MSA Việt Nam	Trên 3 năm	36.441.315	-	(36.441.315)	Trên 3 năm	36.441.315	-	(36.441.315)
Phải thu về cho vay		**242.024.400**	**-**	**(242.024.400)**		**242.024.400**	**-**	**(242.024.400)**
Công ty Cổ phần tập đoàn Haprosimex	Trên 3 năm	242.024.400	-	(242.024.400)	Trên 3 năm	242.024.400	-	(242.024.400)
Cộng		**912.896.261**	**-**	**(912.896.261)**		**912.896.261**	**-**	**(912.896.261)**

11. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2025				01/01/2025			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Cổ phần	VND	VND	VND	Cổ phần	VND	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Hà Đô (HDG)	-	-	-	-	48.000	1.450.082.075	1.392.000.000	(58.082.075)
Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (VCG)	90.000	2.408.106.746	2.056.500.000	(351.606.746)	-	-	-	-
Cộng		**2.408.106.746**	**2.056.500.000**	**(351.606.746)**		**1.450.082.075**	**1.392.000.000**	**(58.082.075)**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	**10.476.998.279**	**11.705.109.452**	**720.663.636**	**617.632.787**	**23.520.404.154**
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.703.749.060)	-	-	(4.703.749.060)
Tại ngày 31/12/2025	**10.476.998.279**	**7.001.360.392**	**720.663.636**	**617.632.787**	**18.816.655.094**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	**10.476.998.279**	**11.432.784.121**	**720.663.636**	**601.589.136**	**23.232.035.172**
Khấu hao trong năm	-	114.454.993	-	-	114.454.993
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.703.749.060)	-	-	(4.703.749.060)
Tại ngày 31/12/2025	**10.476.998.279**	**6.843.490.054**	**720.663.636**	**601.589.136**	**18.642.741.105**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	**-**	**272.325.331**	**-**	**16.043.651**	**288.368.982**
Tại ngày 31/12/2025	**-**	**157.870.338**	**-**	**16.043.651**	**173.913.989**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*10.476.998.279*	*6.721.360.392*	*720.663.636*	*617.632.787*	*18.536.655.094*

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

			31/12/2025		01/01/2025	
	% sở hữu	% biểu quyết	Giá gốc	Ghi nhận theo PP vốn chủ	Giá gốc	Ghi nhận theo PP vốn chủ
			VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Canvas Hà Nam (*)			-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG (**)	49%	49%	4.851.000.000	4.855.182.732	4.851.000.000	4.851.000.000
Cộng			**4.851.000.000**	**4.855.182.732**	**8.851.000.000**	**8.851.000.000**

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện chuyển chượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Canvas Hà Nam theo các Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT ký ngày 10/10/2025 và số 08/2025/NQ-HĐQT ngày 29/10/2025 với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, tổng số tiền thu về là 8.000.000.000 đồng.

(**) Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG được thành lập vào tháng 11/2024 và đã đi vào hoạt động trong năm 2025. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG chưa có Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, phần lãi đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận theo phương pháp vốn chủ theo số liệu báo cáo tài chính trước kiểm toán của đơn vị này là 4.182.732 đồng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	**39.621.584**	**39.621.584**	**80.198.036**	**80.198.036**
Công ty TNHH Infinite Fashion Việt Nam	39.621.584	39.621.584	39.621.584	39.621.584
Công ty Cổ phần Aptmetal Quang Trung	-	-	19.980.000	19.980.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Đầu tư Phúc Hưng	-	-	7.000.000	7.000.000
Các người bán khác	-	-	13.596.452	13.596.452
Cộng	**39.621.584**	**39.621.584**	**80.198.036**	**80.198.036**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	465.484.064	1.274.045.529	1.353.182.029	386.347.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.702.212	-	23.702.212
Thuế thu nhập cá nhân				
Công ty mẹ	*(8.398.086)*	*44.453.630*	*47.767.110*	*(11.711.566)*
Công ty con	-	*1.200.000*	-	*1.200.000*
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.859.852	14.859.852	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**457.085.978**	**1.361.261.223**	**1.418.808.991**	**399.538.210**
Trong đó:				
- Phải thu	*8.398.086*			*11.711.566*
- Phải trả	*465.484.064*			*411.249.776*

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền điện	78.553.941	86.895.315
Chi phí lãi vay	67.307.516	-
Các khoản trích trước khác	8.741.136	3.377.632
Cộng	**154.602.593**	**90.272.947**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	694.610.667	546.982.167
Bảo hiểm xã hội	-	204.352.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	63.682.000	63.682.000
Nhận ký quỹ, ký cược	65.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	83.223.882	83.223.882
Cộng	**906.516.549**	**898.240.049**

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện 274.767.493 đồng tương ứng với tỷ lệ lợi ích của Công ty trong phần lãi chưa thực hiện khi thanh lý máy móc, thiết bị, công cụ dụng cụ (thu nhập khác) cho công ty liên kết trong năm 2025, trong đó, giá trị dự kiến được phân bổ trong 12 tháng tiếp theo là 43.806.012 đồng được trình bày là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, giá trị doanh thu chưa thực hiện dài hạn là 230.961.481 đồng.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (Vay ký quỹ đầu tư chứng khoán)	-	-	28.921.605.644	27.514.343.560	1.407.262.084	1.407.262.084
Cộng	**-**	**-**	**28.921.605.644**	**27.514.343.560**	**1.407.262.084**	**1.407.262.084**

Khoản vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng giao dịch ký quỹ số 4922/2024/SHS-GDKQ ký ngày 24/10/2024. Mục đích vay để phục vụ cho việc đầu tư chứng khoán tại Công ty, thời hạn cho vay giao dịch ký quỹ không quá 90 ngày kể từ ngày giải ngân, lãi suất được quy định tại từng thời kỳ.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	**20.000.000.000**	**-**	**(499.959.120)**	**1.766.597.342**	**(15.496.538.644)**	**-**	**5.770.099.578**
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.160.163.878	-	2.160.163.878
Tăng vốn trong năm	14.000.000.000	(164.400.000)	-	-	-	-	13.835.600.000
Bán cổ phiếu quỹ	-	(30.959.120)	499.959.120	-	-	-	469.000.000
Tại ngày 01/01/2025	**34.000.000.000**	**(195.359.120)**	**-**	**1.766.597.342**	**(13.336.374.766)**	**-**	**22.234.863.456**
Góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.400.505.787	9.480.885	8.409.986.672
Tại ngày 31/12/2025	**34.000.000.000**	**(195.359.120)**	**-**	**1.766.597.342**	**(4.935.868.979)**	**2.009.480.885**	**32.644.850.128**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Vốn góp	Tỉ lệ	Vốn góp	Tỉ lệ
	VND	%		
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	-	0%	4.000.000.000	11,76%
MAXPORT Ltd	1.300.000.000	3,82%	1.300.000.000	3,82%
Ông Trịnh Quốc Khánh	2.000.000.000	5,88%	2.000.000.000	5,88%
Ông Nguyễn Việt Dũng	7.000.000.000	20,59%	2.000.000.000	5,88%
Ông Lý Nam Ninh	1.000.000.000	2,94%	2.000.000.000	5,88%
Bà Nguyễn Thị Ngọc Tú	3.040.000.000	8,94%	3.040.000.000	8,94%
Ông Nguyễn Văn Sơn	1.551.000.000	4,56%	2.510.000.000	7,38%
Ông Lê Khánh Việt	3.450.000.000	10,15%	3.450.000.000	10,15%
Các cổ đông khác	14.659.000.000	43,11%	13.700.000.000	40,29%
Cộng	**34.000.000.000**	**100%**	**34.000.000.000**	**100%**

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Vốn góp đầu năm	34.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	14.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	34.000.000.000	34.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**3.400.000**	**3.400.000**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**3.400.000**	**3.400.000**
- Cổ phiếu phổ thông	*3.400.000*	*3.400.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**3.400.000**	**3.400.000**
- Cổ phiếu phổ thông	*3.400.000*	*3.400.000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	**10.000**	**10.000**

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
- USD	953,61	917,59

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu gia công hàng may mặc	28.370.951.535	37.072.540.228
Cộng	**28.370.951.535**	**37.072.540.228**

Doanh thu với các bên bên liên quan:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Công ty TNHH Vải giầy Thanh Cường	-	2.001.140.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	281.191.000	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ gia công	22.108.854.159	30.225.738.400
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.802.111)	(249.064.724)
Cộng	**22.091.052.048**	**29.976.673.676**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	283.279.362	52.890.941
Lãi đầu tư chứng khoán kinh doanh	1.376.342.335	156.091.364
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.589.424	93.712.271
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.424.097	3.617.913
Lãi chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Canvas Hà Nam (*)	4.000.000.000	-
Cộng	**5.686.635.218**	**306.312.489**

(*) Xem thêm Thuyết minh số 13.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	200.527.321	51.359.906
Lỗ đầu tư chứng khoán kinh doanh	339.564.323	16.001.120
Phí môi giới chứng khoán	56.601.474	-
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	293.524.671	58.082.075
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	839.067	111.848.562
Tiền phạt chậm trả tiền thuê kho	-	15.042.000
Chi phí tài chính khác	31.742.534	5.391.852
Cộng	**922.799.390**	**257.725.515**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí bán hàng	**143.183.995**	**463.087.622**
Chi phí nguyên vật liệu	53.334.240	145.902.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.849.755	317.185.212
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**2.907.586.071**	**3.925.611.470**
Chi phí nhân viên	1.383.086.284	1.486.396.709
Chi phí vật liệu quản lý	13.552.640	56.396.733
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.043.653	197.059.081
Thuế, phí và lệ phí	18.739.852	17.457.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.187.164.649	1.545.670.362
Chi phí khác	288.998.993	622.630.987
Cộng	**3.050.770.066**	**4.388.699.092**

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	438.132.507	-
Bán thanh lý phế liệu, công cụ dụng cụ	750.000	1.000.000
Các khoản khác	8.478.125	44.682.155
Cộng	**447.360.632**	**45.682.155**

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phạt vi phạm hợp đồng	-	378.792.653
Tiền lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, thuế, vi phạm hành chính	10.118.506	247.737.578
Các khoản khác	701.223	14.742.480
Cộng	**10.819.729**	**641.272.711**

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**8.409.986.672**	**2.160.163.878**
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**8.409.986.672**	**2.160.163.878**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**8.409.986.672**	**2.160.163.878**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.400.000	2.514.124
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.474**	**859**

30. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vải giầy Thanh Cường	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Cơ Khí lắp máy Sông Đà	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Bên liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Sông Đà 19	Bên liên quan của người nội bộ
Các cá nhân là thành viên Ban lãnh đạo chủ chốt của Công ty	

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Công ty có số dư và giao dịch với các bên liên quan sau:

Giao dịch với bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập và lợi nhuận khác		
Công ty Cổ phần May Thanh Trì TTG	712.900.000	-
Trong đó:		
- Lợi nhuận đã thực hiện	*438.132.507*	-
- Lợi nhuận chưa thực hiện	*274.767.493*	-

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Lý Nam Ninh	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	422.583.400	399.771.600
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Tổng giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	19.716.700
Cộng		**422.583.400**	**419.488.300**

31. THÔNG TIN KHÁC

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Tô Đông Quân	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 16/05/2025)	-	-
Ông Trịnh Quốc Khánh	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 16/05/2025)	-	-
Bà Lê Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
Bà Vũ Thị Hồng Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát	192.245.300	215.762.400
Cộng		**192.245.300**	**215.762.400**

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Công ty con được thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 17/10/2025, năm 2025 là niên độ kế toán đầu tiên Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, số liệu so sánh được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ - Công ty Cổ phần May Thanh Trì cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và dữ liệu có thể không so sánh được tương ứng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập	Trưởng phòng Kế toán	Tổng giám đốc
Đào Thị Thủy	Đào Thị Thủy	Lý Nam Ninh